

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 19-01-2026

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bắc

Ông Nguyễn Ngọc Thành

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Sâm - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Văn Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 31/12/2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 04/6/2002 (vắng mặt)

Số định danh cá nhân: 024022. 0201.2943

Địa chỉ: tổ dân phố Chẽ, phường Phụng Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi ở: số 170 Yonger St, quận Vĩnh Khang, thành phố Đà Nẵng 710, Đà Nẵng.

**Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án:* ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972; địa chỉ: tổ dân phố C, phường P, tỉnh Bắc Ninh.

2. *Bị đơn:* Chị **Nông Thị Ánh N**, sinh ngày 04/11/2001 (vắng mặt)

Số định danh cá nhân: 0243.0100.8367

Địa chỉ: tổ dân phố Sậy, phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi ở: số 1-5, ngõ 370, đường Anyi, quận An Lạc, thành phố Cơ Long, Đà Nẵng.

** Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án:* Chị Nguyễn

Thị H, sinh năm 1999; địa chỉ: tổ dân phố C, phường P, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 14/6/2022, anh và chị Nông Thị Ánh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Bắc Ninh). Sau kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ dân phố C, phường P được một thời gian sau đó anh T sang Đài Loan lao động, đến năm 2023 thì chị N cũng sang Đài Loan. Tuy 02 vợ chồng cùng ở Đài Loan nhưng không chung sống và không làm việc cùng nhau, vợ chồng rất ít khi gặp gỡ, không quan tâm chăm sóc nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nông Thị Ánh N.

- Về con chung: Anh T xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T xác định không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Theo bản tự khai bị đơn chị Nông Thị Ánh N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng như anh T trình bày là đúng. Từ năm 2023, mặc dù chị và anh T cùng làm việc ở Đài Loan nhưng vợ chồng không chung sống cùng nhau, rất ít gặp gỡ, ít nói chuyện, không quan tâm chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống cùng với anh T nên chị đồng ý ly hôn. Chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị và anh T được ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị N xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N xác định không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã thông báo và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với đương sự trong vụ án theo quy định của pháp luật nhưng cả nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T và chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh T, chị N và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nông Thị Ánh N.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Anh T và chị N xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn T có đơn xin ly hôn với chị Nông Thị Ánh N, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nông Thị Ánh N có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố S, phường C, tỉnh Bắc Ninh hiện nay đang lao động và ở tại Đài Loan. Căn cứ quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực

hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và bị đơn chị Nông Thị Ánh N vắng mặt, nhưng anh T và chị N đều đã có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt anh T và chị N.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 14/6/2022, anh Nguyễn Văn T và chị Nông Thị Ánh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là phường P, tỉnh Bắc Ninh). Anh T và chị N có đủ điều kiện kết hôn và tự nguyện kết hôn. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ xem xét giải quyết theo Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh T và chị N đều thừa nhận sau khi kết hôn 02 vợ chồng cùng sang Đài Loan lao động để làm kinh tế nhưng không chung sống cùng nhau, vợ chồng ít gặp gỡ, không quan tâm chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Xét thấy, cả anh T và chị N đều xác định đến nay không còn động lực, không mong muốn đoàn tụ cùng nhau. Như vậy, anh T và chị N đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, anh T và chị N đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho vợ chồng ly hôn để giải thoát cho hai bên. Tòa án đã hòa giải nhưng không thành do anh T và chị N đều xin vắng mặt. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị N đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn chị N.

[3.2] Về con chung: Anh T và chị N xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T và chị N xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia

đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, anh T và chị N hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa nên có thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nông Thị Ánh N.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004598 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận anh T đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh T và chị N hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, nên có thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 – Bắc Ninh;
- UBND phường Phương Sơn;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Văn Hải

